

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Nghị định quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Tờ trình số 1939/TTr-BNV ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Bộ Nội vụ)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Dự thảo Nghị định được xây dựng trong bối cảnh tiếp tục triển khai và thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng về: (1) đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (2) xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; (3) tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới; (4) thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; (5) đẩy mạnh cải cách hành chính; phân quyền, phân cấp và ủy quyền; (6) tinh giản biên chế; (7) từng bước liên thông tiến tới một nền hành chính công vụ thống nhất; (8) thực hiện khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và tăng cường tự quản ở cộng đồng dân cư.

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố từng bước được kiện toàn, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng tiệm cận với công chức từ cấp huyện trở lên; là cơ sở để tiến tới thực hiện liên thông, thống nhất một nền công vụ trong cả nước thời gian tới.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thi hành các Nghị định hiện hành của Chính phủ còn một số vướng mắc, bất cập như:

+ Nhiều nội dung quy định về cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện tương tự như đối với công chức từ cấp huyện trở lên nhưng chưa được quy định liên thông hoặc áp dụng tương tự; các quy định về cán bộ, công chức cấp xã được quy định ở nhiều văn bản, do nhiều cơ quan ban hành, một số nội dung chưa thống nhất (Nghị định số 114/2003/NĐ-CP; Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày

16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); Thông tư số 13/2019/TT-BNV¹; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về Công an, Quân sự và và quy định tại các văn bản do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương ban hành;

+ Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được quy định theo loại đơn vị hành chính (ĐVHC) còn chưa phù hợp với ĐVHC cấp xã sau sáp nhập có diện tích rộng, dân số đông và ở các đô thị có dân số cơ học tăng nhanh, dẫn đến khối lượng công việc nhiều, tạo áp lực lớn đối với đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

+ Tiền lương, phụ cấp và một số chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã và quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách (HĐKCT) ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố còn có một số hạn chế, bất cập.

2. Mục tiêu xây dựng của chính sách

Xây dựng các chính sách mới trong dự thảo Nghị định về cán bộ công chức cấp xã và người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thay thế 04 Nghị định hiện hành của chính phủ với mục tiêu cụ thể như sau:

a) Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng mới của Đảng tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương;

b) Từng bước liên thông quy định về cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên;

c) Kế thừa, sửa đổi, bổ sung hoặc quy định chính sách mới về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Khắc phục một số hạn chế, bất cập quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo đề xuất, kiến nghị của địa phương, cử tri và đại biểu Quốc hội trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị định hiện hành của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thời gian qua.

¹ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Thông tư số 13/2019/TT-BNV quy định tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn đối với công chức cấp xã là tốt nghiệp đại học trở lên. Trong khi đó, Luật Hộ tịch năm 2014 quy định tiêu chuẩn đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ trung cấp luật trở lên; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn người đảm nhiệm Kế toán - tài chính cấp xã có trình độ trung cấp chuyên nghiệp trở lên.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH MỚI QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Nội dung chính sách 1

Liên thông một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức hành chính (từ cấp huyện trở lên)

1.1. Xác định vấn đề

Những quy định về bầu cử, tuyển dụng, bãi nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển và tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã; nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá đối với cán bộ, công chức cấp xã; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức và chế độ tiền lương, phụ cấp và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã đã tương tự như quy định đối với cán bộ, công chức hành chính (từ cấp huyện trở lên). Nhưng vẫn chưa được áp dụng tương tự, tạo sự phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức nói chung.

1.2. Mục tiêu chính sách

Những quy hiện hành tại 04 Nghị định của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn tổ dân phố và những quy định của pháp luật có liên quan² tương tự như quy định đối với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên thì quy định dẫn chiếu không quy định lại trong dự thảo Nghị định này; đồng thời những nội dung về cán bộ, công chức mà theo vị trí việc làm các chức danh cán bộ, công chức có tính đặc thù ở cấp xã thì quy định tại dự thảo Nghị định này.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định tại 04 Nghị định hiện hành của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

b) Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định theo hướng dẫn chiếu áp dụng những quy định tương tự đối với cán bộ công chức từ cấp huyện trở lên. Theo đó, không quy định lại những quy định đã được quy định tại các văn bản

² 04 Nghị định của Chính phủ, gồm: (1) Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; (2) Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; (3) Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn; (4) Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (các quy định của pháp luật có liên quan là các văn bản hướng dẫn các Nghị định của cơ quan có thẩm quyền).

quy phạm pháp luật tương ứng; những vấn đề mang tính đặc thù đối với cấp xã thì quy định trọng dự thảo Nghị định này.

1.4. Tác động của giải pháp

a) Giải pháp 1

- Tác động tích cực: Giữ ổn định, không sáo trộn và không phải thay sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Một số hạn chế tồn tại:

+ Cùng là cán bộ, công chức và quy định tương tự nhưng lại quy định ở những văn bản quy phạm pháp luật khác nhau;

+ Không chuẩn bị từng bước liên thông với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên;

+ Quy định trùng lặp về cùng một vấn đề.

b) Giải pháp 2

- Tác động tích cực:

+ Việc quy định đầy đủ các nội dung về cán bộ, công chức trong một dự thảo Nghị định sẽ giải quyết được đề xuất, kiến nghị của nhiều địa phương, cử tri và một số đại biểu Quốc hội do các Văn bản pháp luật hiện hành còn quy định rải rác và chưa đầy đủ, chưa phù hợp với thực tiễn; tạo điều kiện thuận lợi trong tra cứu và áp dụng pháp luật;

+ Tạo điều kiện chuẩn bị từng bước liên thông, thống nhất một nền hành chính công vụ; không phân biệt cán bộ công chức cấp xã với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên; (3) không quy định lại những quy định về cán bộ, công chức cấp xã đã được áp dụng tương tự với các bộ, công chức hành chính (từ cấp huyện trở lên) tại các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành; (4) việc quy định một số nội dung được áp dụng chế độ, chính sách như đối với cán bộ, công chức hành chính nêu trên sẽ góp phần động viên, khuyến khích, nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

- Một số hạn chế, bất cập:

+ Do hiện nay Luật cán bộ, công chức cấp xã chưa được sửa đổi, bổ sung nên một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã đã được quy định tại Luật chưa thể thực hiện liên thông;

+ Một số vấn đề viện dẫn áp dụng tại các Nghị định có liên quan dẫn đến phải tra cứu ở nhiều văn bản khác nhau đối với cùng đối tượng, cùng vấn đề.

c) Kiến nghị lựa chọn

- Đối với các nội dung chưa liên thông sẽ được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định này như: (1) Về khung tiêu chuẩn, nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã; (2) Về tiêu chuẩn, tuyển dụng, đánh giá, thôi việc đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; (3) Về một số đối tượng tuyển dụng vào công chức cấp xã; (4) Về nhiệm vụ của từng chức danh cán bộ, công chức cấp xã; (5) Về điều động, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn này đến làm việc ở xã, phường, thị trấn khác; (6) Về một số chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Ban hành phụ lục kèm trích dẫn cụ thể các điều, khoản, văn bản được quy định áp dụng tương tự như đối với cán bộ, công chức hành chính (từ cấp huyện trở lên).

2. Nội dung chính sách 2

2.1. Xác định vấn đề

Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong bối cảnh sáp nhập các ĐVHC dẫn tới có nhiều ĐVHC quy mô dân số và diện tích tự nhiên lớn so với quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15); vấn đề về phân cấp, ủy quyền để quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố ở từng ĐVHC cấp huyện và ở từng ĐVHC cấp xã.

2.2. Mục tiêu chính sách

- Thực hiện khoản số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời giải quyết vấn đề ở những ĐVHC có quy mô dân số đông và diện tích rộng so với quy định do sáp nhập đơn vị hành chính; đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội;

- Đẩy mạnh phân cấp ủy quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện trong việc quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo chủ trương của Đảng.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách

a) Giải pháp 1

Giữ như quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về số lượng, chức danh và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ,

công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (đã được sửa, đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP)

b) Giải pháp 2

Tăng thêm số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tại những ĐVHC có dân số đông, diện tích lớn và phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện quyết định cụ thể số lượng cán bộ, công chức ở từng ĐVHC cấp xã. Cụ thể:

- Trên cơ sở khoán tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định hiện hành (đối với phường loại I - II - III tương ứng là 23 - 21 - 19 người, đối với xã và thị trấn loại I - II - III tương ứng là 22 - 20 - 18 người³) và khoán tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định hiện hành (đối với cấp xã loại I - II - III tương ứng là 14 - 12 - 10 người), bổ sung quy định tăng thêm (không khống chế tối đa) số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở ĐVHC cấp xã có quy mô dân số và diện tích tự nhiên cao hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15), cụ thể như sau:

+ Theo quy mô dân số: Đối với Phường thuộc quận, cứ tăng thêm đủ 1/3 mức quy định thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách; đối với các ĐVHC còn lại, cứ tăng thêm đủ 1/2 mức quy định thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách.

+ Theo diện tích tự nhiên: Mỗi ĐVHC cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách.

1.4. Tác động của giải pháp

a) Giải pháp 1

- Tác động tích cực: Giữ ổn định, phù hợp với chủ trương của Đảng về tinh giản biên chế;

- Một số hạn chế tồn tại: Chưa giải quyết được những bất cập trong thực tiễn và kiến nghị của cử tri, của đại biểu Quốc hội và của nhiều địa phương.

b) Giải pháp 2.

- Tác động tích cực:

+ Giải quyết được vướng mắc, bất cập của nhiều địa phương, cử tri và một số đại biểu Quốc hội; phù hợp với yêu cầu thực tiễn, khối lượng công việc ở các

³ Do quy định hiện hành giảm 01 người khi bố trí công an chính quy ở xã và thị trấn (hiện nay 100% các xã và thị trấn đã bố trí công an chính quy).

ĐVHC có dân số đông, diện tích rộng đòi hỏi số lượng cán bộ, công chức cấp xã nhiều hơn để giải quyết công việc, thủ tục hành chính, phục vụ người dân;

+ Phù hợp với chủ trương sáp nhập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hiện nay làm tăng quy mô của đơn vị hành chính, vấn đề đô thị hóa ở cấp xã dẫn đến mật độ dân cư ở nhiều ĐVHC cao dẫn đến số lượng cán bộ, công chức theo quy định của dự thảo Nghị định trước đây đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn;

+ Chính sách tăng thêm số lượng công chức cấp xã nêu trên tạo khung pháp lý cho các địa phương có phương án điều chuyển, sắp xếp số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sáp nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã;

+ Phù hợp chủ trương đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương. Việc phân cấp cho chính quyền địa phương như quy định tại dự thảo Nghị định sẽ tạo sự chủ động cho địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn, đặc thù riêng của từng ĐVHC cấp xã để quy định cho phù hợp.

- Một số hạn chế, bất cập:

+ Việc đề xuất tăng số lượng công chức và người HĐKCT ở cấp xã theo chính sách mới mặc dù đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nhưng trong bối cảnh đang thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và giảm dần người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

+ Đồng thời với việc tăng số lượng công chức cấp xã dẫn đến tăng chi ngân sách nhà nước để trả lương cho số lượng công chức tăng thêm (khoảng 749 tỷ đồng/năm) cũng phần nào gây khó khăn cho việc bố trí ngân sách Nhà nước;

+ Việc quy định số lượng cán bộ, công chức theo loại ĐVHC cấp xã đã tính đến yếu tố về quy mô dân số, diện tích tự nhiên. Theo chính sách mới thì việc quy định số lượng công chức và người HĐKCT cấp xã tăng thêm ở những ĐVHC có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn là có sự trùng lặp;

+ Việc quy định tăng thêm về số lượng công chức cấp xã theo chính sách mới trong bối cảnh Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 – 2026 đã giao 205.571 cán bộ, công chức cấp xã (tạm tính theo số liệu năm 2021, sau đó thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và giảm tương ứng theo lộ trình giảm ĐVHC cấp xã giai đoạn 2022 – 2026) thì cần phải báo cáo Bộ Chính trị về nội dung này.

1.5. Kiến nghị lựa chọn: Tăng số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; đồng thời phân cấp cho chính quyền địa

phương quyết định số lượng cụ thể ở từng ĐVHC cấp huyện và từng ĐVHC cấp xã bảo đảm không vượt quá quy định của Chính phủ

- Số lượng công chức và người HĐKCT cấp xã trong cả nước tăng thêm theo quy định mới, tuy nhiên trong bối cảnh sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì số lượng cán bộ, công chức cấp xã đã giảm do sắp xếp và dôi dư sẽ được điều chuyển, sắp xếp sang các ĐVHC có dân số đông và diện tích rộng phù hợp với yêu cầu của thực tiễn;

- Chính sách mới tiếp tục quy định khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức vụ, chức danh. Theo đó, giảm số lượng cán bộ, công chức và người hoạt HĐKCT và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3. Nội dung chính sách 3

3.1. Xác định vấn đề bất cập: Quy định mức khoán quỹ phụ cấp đối với người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và vấn đề xác định cơ quan có thẩm quyền trong việc quy định cụ thể mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

3.2. Mục tiêu chính sách

- Tăng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố nhằm đáp ứng và giải quyết những vướng mắc, bất cập hiện nay và theo kiến nghị, đề xuất của cử tri, một số đại biểu Quốc hội và của nhiều địa phương. Cụ thể:

+ Tăng mức khoán quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên ở mỗi ĐVHC cấp xã loại I - II - III tương ứng từ 16,0 - 13,7 - 11,4 lần mức lương cơ sở lên 21 - 18 - 15 lần mức lương cơ sở (tăng trung bình từ 1,14 lần mức lương cơ sở/01 người lên mức 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người). Ngoài mức khoán quỹ phụ cấp này, đối với những ĐVHC cấp xã có quy mô dân số và diện tích tự nhiên cao hơn so với tiêu chuẩn quy định được tăng thêm người hoạt động không chuyên trách thì cứ tăng 01 người hoạt động không chuyên trách so với quy định được tăng quỹ phụ cấp khoán 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người tăng thêm.

+ Tăng mức khoán quỹ phụ cấp từ 3,0 - 5,0 lần mức lương cơ sở đối với mỗi loại thôn, tổ dân phố hiện nay lên mức 4,5 - 6,0 lần mức lương cơ sở (trong đó, mức khoán 6,0 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc ĐVHC cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và thôn, tổ dân phố thuộc ĐVHC cấp xã biên giới, hải đảo, mức khoán 4,5 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với các thôn, tổ dân phố còn lại.

+ Trên cơ sở tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tính theo quy định nêu trên (tính theo từng cấp tỉnh) và nguồn kinh phí ngân sách dành cho cải cách tiền lương theo quy định ở địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức chi hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý của từng ĐVHC cấp xã và tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập, nâng cao trình độ đào tạo chuyên môn (ngân sách Trung ương không hỗ trợ). Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách mà có sáp nhập thôn, tổ dân phố thì không điều chỉnh giảm mức khoán quỹ phụ cấp (tính cho cả cấp tỉnh) nêu trên.

- Đảm bảo tương quan, hợp lý với lương của cán bộ, công chức;

- Tạo tâm lý yên tâm và ổn định công tác của đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách

a) Giải pháp 1

Giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về số lượng, chức danh và một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP)

b) Giải pháp 2

- Tăng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người HĐKCT ở cấp xã từ mức 11,4; 13,7 và 16,0 lần mức lương cơ sở tương ứng với đơn vị hành chính cấp xã loại III; loại II và loại I theo quy định hiện hành lên mức 15,0; 18,0 và 21,0 lần mức lương cơ sở; tăng mức khoán quỹ phụ cấp tương ứng từ 1,14 lần mức lương cơ sở/01 người HĐKCT lên mức 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người HĐKCT trách tăng thêm; tăng mức phụ cấp từ 3,0 - 5,0 lần mức lương cơ sở đối với mỗi loại thôn, tổ dân phố lên mức 4,5 - 6,0 lần mức lương cơ sở; bổ sung tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố thuộc ĐVHC biên giới, hải đảo, ĐVHC cấp xã trọng điểm về an ninh trật tự, lên mức 6,0 lần mức lương cơ sở. Theo đó, tổng ngân sách chi tăng thêm là 4.162 tỷ đồng/năm (trong đó chi cho người HĐKCT ở cấp xã là 1.368 tỷ đồng/năm; ở thôn, tổ dân phố là 2.794 tỷ đồng/năm);

- Trên cơ sở tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tính theo quy định nêu trên (tính theo từng cấp tỉnh) và nguồn kinh phí ngân sách dành cho cải cách tiền lương theo

quy định ở địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức chi hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

3.4. Tác động của giải pháp

a) Giải pháp 1

- Mặt tích cực: Giữ ổn định về thực hiện ngân sách, đặc biệt trong bối cảnh tình kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương còn có những khó khăn về ngân sách; tình hình sau đại dịch Covid sự phát triển kinh tế mới bắt đầu phục hồi.

- Một số hạn chế bất cập: Chưa giải quyết được kịp thời những vướng mắc, bất cập và kiến nghị của cử tri, đại biểu Quốc hội và của nhiều địa phương.

b) Giải pháp 2

- Mặt tích cực

+ Giải quyết được vướng mắc, bất cập theo đề xuất của nhiều địa phương, cử tri và một số đại biểu Quốc hội: do quá trình đô thị hóa tập trung đông dân cư, việc thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, đồng thời với việc sáp nhập thôn, tổ dân phố trong thời gian qua đã làm quy mô ĐVHC cấp xã và quy mô thôn, tổ dân phố trong khi số lượng người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP giảm đi nhiều so với quy định trước đây dẫn đến thực tiễn không đáp ứng khối lượng công việc ở cấp xã;

- Tăng thêm thu nhập và khuyến khích người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập nâng cao trình độ chuyên môn và yên tâm công tác, bảo đảm tương quan, hợp lý với mức lương bậc I của cán bộ, công chức cấp xã;

- Đồng thời với việc quy định tăng mức khoán từ ngân sách Trung ương, dự thảo Nghị định phân cấp cho chính quyền địa phương căn cứ vào cân đối nguồn kinh phí ngân sách dành cho cải cách tiền lương theo quy định ở địa phương để quy định cụ thể mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố sẽ tạo sự chủ động cho địa phương trong việc cân đối nguồn ngân sách của địa phương và tăng cường phân cấp theo chủ trương của Đảng.

- Một số hạn chế, bất cập

+ Việc nâng mức khoán quỹ phụ cấp trong thời điểm chưa thực hiện được chính sách cải cách tiền lương mới. Trong đó có yêu cầu sắp xếp lại các chế độ phụ cấp hiện hành;

+ Việc tăng thêm chi ngân sách cho người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trong bối cảnh ngân sách Nhà nước còn khó khăn.

1.5. Kiến nghị lựa chọn

Dự thảo Nghị định chọn giải pháp tăng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; đồng thời phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện quyết định cụ thể mức khoán quỹ phụ cấp ở từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh và mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, như sau:

- Dự thảo Nghị định chỉ quy định những vấn đề đã quy định rõ và cụ thể trong Nghị quyết số 27- NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

- Sửa đổi bổ sung những quy định này khi thực hiện chế độ, chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và thực hiện liên thông với cán bộ, công chức hành chính (từ cấp huyện trở lên).

III. Ý KIẾN THAM VẤN

- Trong quá trình xây dựng chính sách mới trong dự thảo Nghị định, Bộ Nội vụ đã thành lập Ban Soạn thảo, tổ biên tập; xây dựng đề cương của dự thảo; tổng kết thực hiện 04 Nghị định hiện hành của Chính phủ và những văn bản hướng dẫn thi hành về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri, của đại biểu Quốc hội và của các địa phương;

- Xây dựng dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương 02 lần; tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý tại 03 vùng, miền;

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Nội vụ;

- Tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến của các địa phương qua các lần hội thảo và gửi lấy ý kiến;

- Hoàn thiện dự thảo và các tài liệu về hồ sơ, trong đó có bổ sung, hoàn thiện các chính sách mới nêu trên.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động về các chính sách mới được đề xuất trong dự thảo Nghị định, Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ./.

BỘ NỘI VỤ